

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: 1 L, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1984. Địa chỉ: 1 L, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2006, quyển số 01, ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban nhân dân Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Duy H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Duy H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung Nguyễn Duy M, sinh ngày 12/9/2008. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà N cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên, bắt đầu từ tháng 02/2024 tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Bà N và ông H khai không có.

- Về nợ chung: Bà N và ông H khai không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà **Phạm Thị N** và ông **Nguyễn Duy H** phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Thị N** và ông **Nguyễn Duy H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Phạm Thị N** và ông **Nguyễn Duy H** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà **N** và ông **H** thỏa thuận giao ông **H** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Duy M**, sinh ngày 12/9/2008; bà **N** cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên. Bắt đầu thi hành từ tháng 02/2024 tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bà **N** chậm trả tiền cấp dưỡng thì bà **N** phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Bà **N** và ông **H** khai không có.

- Về nợ chung: Bà **N** và ông **H** khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà **Phạm Thị N** và ông **Nguyễn Duy H** phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà **Phạm Thị N** và ông **Nguyễn Duy H** đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001166 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- UBND P.7, Q.Tân Bình, TP.HCM (Ghi vào
- sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 123/2006, quyền số 01, ngày 20 tháng 10 năm 2006);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu